

CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH GIANG ALP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH GIANG ALP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH GIANG ALP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400980621

3. Ngày thành lập: 19/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô 01 BT05 Khu dân cư Đông Bắc , Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0967879111

Fax:

Email: Phiphamalp@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530(Chính)
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

21.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
22.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
23.	Chăn nuôi khác	0149
24.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
25.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
26.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
27.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
28.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
29.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
30.	Hoạt động y tế dự phòng Chi tiết: Dịch vụ tiêm (chích) vacxin phòng bệnh.	8691
31.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
32.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát lập bản đồ các loại tỷ lệ, khảo sát phục vụ công tác thiết kế quy hoạch xây dựng, giao thông, thủy lợi - Khảo sát địa chất công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình giao thông, thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật, thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế nội thất, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế Hệ thống các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hệ thống kỹ thuật trong công trình; Thiết kế công nghệ môi trường, thiết kế các công trình khai thác mỏ. - Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường, công trình giao thông, giám sát thi công các công trình thủy lợi; giám sát lắp đặt thiết bị điện, đường dây trạm biến áp đến 35KV. - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và thanh quyết toán công trình; Lập hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ đề xuất và hồ sơ dự thầu; Lập dự toán và tổng dự toán công trình; Lập dự án khả thi. Thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ và dự toán công trình, thẩm tra quyết toán công trình.	7110
36.	Hoạt động thú y	7500
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

40.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
41.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
42.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
43.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
44.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học.	2029
45.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
47.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
53.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
54.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Xây dựng nhà để ở	4101
57.	Xây dựng nhà không để ở	4102
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện, đường dây và trạm điện từ 35KV trở xuống.	4221
61.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
62.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
63.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
64.	Xây dựng công trình thủy	4291
65.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
66.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Phá dỡ	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN PHI	Thôn Gai , Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	66,600	0240900046 01	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	66,600		

2	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Thôn Gai, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,700	024087004008	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,700		
3	LÊ MINH VŨ	Xóm Mỹ, Xã Yên Mông, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	16,700	001201042365	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	16,700		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024090004601

Ngày cấp: 26/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Gai, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Gai, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang